

Số: /TTr-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm

**TỜ TRÌNH**

**Về phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương,  
ngân sách cấp tỉnh năm 2021**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021 và lùi thời gian ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho thời kỳ ổn định ngân sách mới sang năm 2021;

Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 - 2020; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND 19 tháng 7 năm 2018 về việc sửa đổi Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Qui định phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Quyết định số /QĐ-BTC ngày tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021; Kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy tại Thông báo số /TB ngày tháng năm 2020.

Năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp tục cho phép thực hiện phân bổ chi thường xuyên theo định mức và phân cấp ngân sách địa phương<sup>(1)</sup> theo Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2020, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2021 đã được Trung ương giao; Ủy ban

---

<sup>(1)</sup> Nghị quyết số 122/2020/QH14 của Quốc hội về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021 và lùi thời gian ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho thời kỳ ổn định ngân sách mới sang năm 2021

nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương, ngân sách cấp tỉnh năm 2021, cụ thể như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU CHI**  
**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**

**A. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021**

**I. Dự toán Trung ương giao**

**1. Dự toán thu ngân sách địa phương**

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn 2.654.600 triệu đồng, trong đó: Thu sản xuất kinh doanh trong nước (*thu nội địa*) 2.407.800 triệu đồng; thu hoạt động xuất nhập khẩu 246.800 triệu đồng. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn địa phương được hưởng (*thu cố định, điều tiết*) là 2.200.900 triệu đồng.

- Dự toán thu ngân sách Trung ương bổ sung cân đối ngân sách địa phương là 3.270.925 triệu đồng, Trong đó: Dự toán trên nền lương cơ sở 1,21 triệu đồng là 3.120.986 triệu đồng<sup>2</sup>. Dự toán bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương cơ sở (tính đến lương 1,49 triệu đồng) 149.939 triệu đồng.

- Dự toán bổ sung mục tiêu từ ngân sách Trung ương 1.441.140 triệu đồng.

- Dự toán thu ngân sách địa phương 6.912.965 triệu đồng, trong đó thu cân đối ngân sách địa phương 5.471.825 triệu đồng.

**2. Dự toán chi ngân sách địa phương (bao gồm cả bội chi) 6.996.865 triệu đồng, gồm:**

2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả bội chi) 5.555.725 triệu đồng, cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương 5.471.825 triệu đồng, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển 896.220 triệu đồng, bao gồm: Chi nguồn vốn trong nước 506.220 triệu đồng, bằng 94,3% so với dự toán 2020; chi nguồn thu tiền sử dụng đất 300.000 triệu đồng tăng 50% so với dự toán năm 2020; chi nguồn thu xổ số kiến thiết 90.000 triệu đồng, tăng 5,9% so với dự toán năm 2020.

- Chi thường xuyên 4.463.168 triệu đồng. Chi thường xuyên chưa bao gồm bổ sung tiền lương 4.121.116 triệu đồng, tăng 0,8% so dự toán 2020, trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 1.811.505 triệu đồng, tăng 0,9%; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ 16.346 triệu đồng, tăng 0,3%; chi sự nghiệp môi trường 74.906 triệu đồng, bằng 99,9% dự toán năm 2020; các lĩnh vực chi thường xuyên còn lại 2.218.359 triệu đồng, tăng 0,8% so dự toán 2020.

- Chi trả nợ lãi vay 2.000 triệu đồng.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng.

<sup>2</sup> Số trợ cấp ổn định từ năm 2017 là 2.999.986 triệu đồng, trung ương bổ sung tăng trợ cấp 121.000 triệu đồng (trong đó: bổ sung năm 2019: 60.000 triệu đồng và bổ sung trong năm 2020: 61.000 triệu đồng tính ổn định cho năm 2021)

- Dự phòng ngân sách 109.437 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2% trên tổng chi cân đối ngân sách.

b) Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 83.900 triệu đồng.

2.2. Chi bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cụ thể từ ngân sách Trung ương 1.441.140 triệu đồng

## **II. Dự toán địa phương giao**

### **1. Dự toán thu ngân sách địa phương**

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn địa phương giao 3.500.000 triệu đồng, trong đó: thu nội địa 3.253.200 triệu đồng, tăng so với dự toán Trung ương giao 35,1% (*trương ứng giao tăng thu 845.400 triệu đồng<sup>(3)</sup>*) so dự toán Trung ương giao; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 246.800 triệu đồng, bằng trung ương giao.

- Dự toán thu ngân sách địa phương 7.758.365 triệu đồng, tăng 12,2% so dự toán Trung ương giao; trong đó thu cân đối ngân sách địa phương 6.317.225 triệu đồng, tăng 15,5% so với dự toán trung ương giao.

*(Số liệu chi tiết thu NSNN tại biểu số 01/TT, thu NSNN trên địa bàn huyện, thành phố tại biểu số 02/TT)*

**2. Dự toán chi ngân sách địa phương giao (bao gồm cả bội chi) 7.842.265 triệu đồng, gồm:**

2.1. Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả bội chi) 6.401.125 triệu đồng.

a) Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương 6.317.225 triệu đồng, tăng chi 845.400 triệu đồng<sup>4</sup> so dự toán Trung ương giao, trong đó bố trí:

- Chi đầu tư phát triển 902.220 triệu đồng, tăng 9,3 % so dự toán 2020 địa phương giao, bao gồm: Chi nguồn vốn trong nước 506.220 triệu đồng, bằng 94,3% so với dự toán 2020; chi nguồn thu tiền sử dụng đất 300.000 triệu đồng tăng 50% so với dự toán năm 2020; chi nguồn thu XSKT 90.000 triệu đồng, tăng 5,9% so với dự toán năm 2020; chi tăng cường hạ tầng khu Kinh tế Cửa khẩu Bờ Y (từ nguồn thu phí sử dụng hạ tầng) 6.000 triệu đồng.

- Chi đầu tư các dự án, nhiệm vụ từ nguồn thu các dự án khai thác quỹ đất (*giao tăng so với dự toán trung ương giao*) 789.492 triệu đồng<sup>5</sup>, triển khai thực hiện theo tiến độ nguồn thu thực tế. Ghi thu ghi chi từ nguồn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương 39.000 triệu đồng.

<sup>(3)</sup> Ngoài dự toán Trung ương giao, trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, để có nguồn đầu tư cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, phát triển KT-XH, địa phương phấn đấu tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất và ghi thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng các dự án nhà đầu tư tự nguyện ứng trước (*theo Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính và văn bản số 11282/BTC-NSNN ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính*) so với dự toán trung ương giao 806.400 triệu đồng (*phân bổ chi đầu tư các dự án, nhiệm vụ theo tiến độ nguồn thu thực tế*); ghi thu viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương 39.000 triệu đồng.

<sup>(4)</sup> Nguồn tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất và ghi thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng các dự án nhà đầu tư tự nguyện ứng trước so với dự toán trung ương giao 806.400 triệu đồng, bố trí chi đầu tư các dự án, nhiệm vụ theo tiến độ nguồn thu thực tế trong năm; ghi chi viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương 39.000 triệu đồng.

<sup>5</sup> Trong đó: bao gồm dự toán chi đền bù giải phóng mặt bằng của các dự án đầu tư Nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước từ nguồn thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất (thực hiện theo hình thức ghi thu ghi chi)

- Chi thường xuyên 4.457.168 triệu đồng, chi thường xuyên chưa bao gồm bổ sung tiền lương 4.114.121 triệu đồng, tăng 0,7% so dự toán 2020, trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 1.811.505 triệu đồng (bằng trung ương giao); chi sự nghiệp khoa học và công nghệ 16.346 triệu đồng (bằng trung ương giao); chi sự nghiệp bảo vệ môi trường 83.585 triệu đồng, tăng 0,4%; các lĩnh vực chi thường xuyên còn lại 2.202.685 triệu đồng, tăng 0,6% so dự toán 2020.

- Chi trả nợ lãi vay 2.000 triệu đồng.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng.
- Dự phòng 126.345 triệu đồng<sup>(6)</sup>

b. Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 83.900 triệu đồng.

2.2 Chi bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cụ thể từ ngân sách Trung ương 1.441.140 triệu đồng

*(Số liệu chi tiết dự toán chi ngân sách địa phương tại Biểu số 03 /TT)*

## **B. Phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương**

### **I. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách địa phương.**

#### **1. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách cấp huyện.**

1.1. Dự toán thu cân đối ngân sách huyện, thành phố 2.972.734 triệu đồng, bao gồm:

a) Dự toán thu NSNN trên địa bàn ngân sách huyện, thành phố được hưởng theo phân cấp 965.663 triệu đồng<sup>(7)</sup>, tăng 4,6% so dự toán 2020.

b) Bổ sung cân đối ngân sách huyện 2.007.071 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung cân đối ngân sách huyện trên nền lương cơ sở 1,21 triệu đồng là 1.802.004 triệu đồng, bao gồm:

+ Ổn định số bổ sung dự toán 2017 giao 1.778.544 triệu đồng;

+ Bổ sung nhiệm vụ cụ thể có tính chất thường xuyên phát sinh trong năm 2017, 2018 tiếp tục bố trí ổn định năm 2021 là 23.460 triệu đồng<sup>(8)</sup>;

- Bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương cơ sở 205.067 triệu đồng<sup>(9)</sup>.

<sup>(6)</sup> Trong đó: 2% bổ sung dự phòng từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất (bao gồm tiền sử dụng đất và tiền cho thuê đất, thu viện trợ thuộc nguồn thu NSDP) so với trung ương giao là 16.908 triệu đồng, để đảm bảo tổng số dự phòng NSDP bằng 2% theo quy định của Luật NSNN.

<sup>(7)</sup> Có 05 huyện giảm thu so năm 2020 (Đắk Hà giảm 4.907 triệu đồng, ĐắkGLai giảm 3.542 triệu đồng, Tu Mơ Rông giảm 7.948 triệu đồng, Konplong giảm 9.406 triệu đồng, IaHdrai giảm 100 triệu đồng)

<sup>(8)</sup> Kinh phí hoạt động các Trung tâm giáo dục thường xuyên tinh chuyên về huyện thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; kinh phí hoạt động của 03 tiểu đội dân quân thường trực theo Quyết định 489/QĐ-UBND, ngày 05/6/2017; Kinh phí thực hiện nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ; hỗ trợ phát triển đất trồng lúa theo diện tích tăng thêm năm 2017; hỗ trợ tổ công tác liên ngành kiểm tra bảo vệ rừng các xã không có nguồn thu dịch vụ môi trường rừng; hỗ trợ thôn làng đón tết; Kinh phí mua thẻ BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội; kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho CCB, TNXP làm nhiệm vụ quốc tế Lào Cam Pu Chia và một số nhiệm vụ khác;

<sup>(9)</sup> Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định 47/2017/NĐ-CP; Nghị định 72/2018/NĐ-CP và Nghị định 38/2019/NĐ-CP (tạm giao, trong năm sẽ thẩm định quyết toán cụ thể);

1.2. Dự toán chi cân đối ngân sách huyện, thành phố 2.972.734 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển 252.687 triệu đồng, trong đó: Chi xây dựng cơ bản nguồn vốn trong nước 81.791 triệu đồng, tăng 1,6% so dự toán 2020; chi nguồn thu tiền sử dụng đất 170.896 triệu đồng, tăng 36,6% so dự toán 2020.

- Chi thường xuyên 2.660.487 triệu đồng. Dự toán chi (chưa bao gồm bổ sung nguồn cải cách tiền lương) 2.389.034 triệu đồng, bằng 99,6% so dự toán 2020, trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề 1.401.627 triệu đồng, bằng 99,7%; chi sự nghiệp bảo vệ môi trường 66.529 triệu đồng, tăng 0,4%; chi sự nghiệp khoa học công nghệ 1.500 triệu đồng (bằng dự toán năm 2020); chi thường xuyên các lĩnh vực khác còn lại 919.378 triệu đồng, bằng 99,3% so dự toán năm 2020.

- Dự phòng 59.560 triệu đồng, tăng 1,5% so năm 2020, chiếm tỷ lệ 2% trên tổng chi cân đối ngân sách huyện năm 2021.

*(Chi tiết dự toán thu chi cân đối ngân sách huyện, thành phố 2021 tại Biểu số 04/TT)*

## **2. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách tỉnh**

Dự toán thu cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả bội chi) 6.401.125 triệu đồng, sau khi trừ phần thu cân đối ngân sách huyện thành phố 2.972.734 triệu đồng nêu trên, bội chi ngân sách 83.900 triệu đồng, dự toán thu cân đối ngân sách tỉnh còn lại 3.344.491 triệu đồng. Dự kiến phân bổ cho các nhiệm vụ chi như sau:

2.1. Bổ sung mục tiêu ngân sách huyện, thành phố thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể 295.974 triệu đồng, tăng 14,5% so dự toán năm 2020, bao gồm:

a) Bổ sung nhiệm vụ đầu tư phát triển 135.800 triệu đồng, tăng 9,4% so dự toán năm 2020, cụ thể: Đầu tư XDCB nguồn vốn trong nước 125.800 triệu đồng; chi sự nghiệp quản lý đất đai từ nguồn 10% tiền sử dụng đất 10.000 triệu đồng.

b) Bổ sung nhiệm vụ cụ thể vốn sự nghiệp:

Năm 2021 tiếp tục kéo dài ổn định ngân sách của giai đoạn 2017-2020, càng về cuối thời kỳ ổn định ngân sách, ngân sách cấp huyện, thành phố sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối nguồn lực để thực hiện một số nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ bổ sung có mục tiêu từ sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố (*hỗ trợ thêm ngoài các nhiệm vụ chi theo phân cấp ổn định, qui định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh*). Tổng kinh phí bổ sung có mục tiêu 160.174 triệu đồng<sup>10</sup>, tăng 19,4% so dự toán năm 2020, trong đó: hỗ trợ sửa chữa cầu treo 9.356 triệu đồng; hỗ trợ tăng chi sự nghiệp môi trường 11.500 triệu

<sup>10</sup> Cơ sở hỗ trợ bổ sung mục tiêu dựa trên cơ sở số đã bổ sung ổn định của các nhiệm vụ năm 2020 tiếp tục thực hiện năm 2021, có tính tăng thêm 19,4% để thực hiện một số nhiệm vụ cấp thiết phát sinh tăng; việc tính toán xác định kinh phí hỗ trợ dựa trên cơ sở nhu cầu thực tế của các địa phương đề nghị, khả năng cân đối ngân sách tỉnh và có xem xét yếu tố mức độ khó khăn, mức giảm dự toán thu ngân sách 2021 của từng nhóm huyện, thành phố.

đồng; hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học các trường 8.000 triệu đồng; hỗ trợ tăng cường an ninh quốc phòng, đối ngoại biên giới 1.800 triệu đồng; hỗ trợ 5 đô thị mới được công nhận loại 5: 10.000 triệu đồng; hỗ trợ sửa chữa xe ô tô, mua sắm tài sản, cơ sở vật chất làm việc 3.500 triệu đồng; hỗ trợ lập các qui hoạch theo Nghị quyết số 69/NQ-CP 12.400 triệu đồng; hỗ trợ tiền lương cho biên chế giáo viên mầm non tăng thêm 49.227 triệu đồng<sup>11</sup>; hỗ trợ kinh phí diễn tập 2.400 triệu đồng; kinh phí thực hiện chế độ mai táng phí 2.120 triệu đồng; hỗ trợ nhiệm vụ cần thiết nhưng cấp huyện, xã còn khó khăn 16.570 triệu đồng (*kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân cấp xã; hỗ trợ hoạt động chi bộ ở cấp xã, quản lý nhà nước về chăm sóc bảo vệ trẻ em, công nghệ thông tin, chính phủ điện tử và các nhiệm vụ khác...*)...

Trong điều kiện nguồn lực của ngân sách cấp tỉnh hạn chế nên về cơ bản chỉ xử lý hỗ trợ các nhiệm vụ cấp thiết, nhu cầu còn lại các huyện, thành phố chủ động cơ cấu, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi thường xuyên trên tinh thần tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả; mặt khác phải tăng cường các biện pháp tăng thu, huy động các nguồn xã hội hóa để có nguồn xử lý các nhiệm vụ chưa bố trí được dự toán đầu năm.

*(Số liệu chi tiết bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cụ thể  
ngân sách huyện thành phố tại Biểu số 05/TT kèm theo)*

2.2 Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh: Sau khi loại trừ phần bổ sung mục tiêu ngân sách huyện nêu trên và bội chi ngân sách địa phương, còn lại 3.048.517 triệu đồng, bố trí cho các lĩnh vực chi như sau:

a) Chi đầu tư phát triển 513.733 triệu đồng, bao gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước 298.629 triệu đồng bằng 88,3% so dự toán 2020; chi từ nguồn thu sử dụng đất 119.104 triệu đồng (*trong đó: bổ sung quỹ phát triển đất 3.884 triệu đồng<sup>12</sup>, chi sự nghiệp quản lý đất đai từ nguồn 10% tiền sử dụng đất 9.420 triệu đồng<sup>13</sup>*); chi từ nguồn thu XSKT 90.000 triệu đồng; chi tăng cường hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ y (từ nguồn thu phí sử dụng hạ tầng) 6.000 triệu đồng.

b) Chi thường xuyên 1.636.507 triệu đồng, bằng 99,7% dự toán năm 2020.

Dự toán chi thường xuyên cơ bản ổn định như năm 2020, theo đó phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2021 chủ yếu cơ cấu, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi cho phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; rà soát các nội dung, kinh phí đã bố trí dự toán năm 2020 hết nhiệm vụ chi trong năm 2021, thực hiện cơ cấu, cân đối bố trí cho nhiệm vụ phát sinh mới trong năm 2021 theo chủ trương, kế hoạch, đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Định mức phân bổ chi hành chính được tính ổn định theo dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2020, trong đó: Định mức chi hành chính có tăng thêm so

<sup>(11)</sup> Theo số Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*TW bổ sung trong năm 2019*), tiếp tục giao ổn định cho năm 2021.

<sup>(12)</sup> Từ 2% nguồn thu tiền sử dụng đất sau khi trừ chi phí hợp pháp đầu tư cơ sở hạ tầng khai thác quỹ đất.

<sup>(13)</sup> Thực hiện chi theo số thu thực tế và phương án phân cấp được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

định mức qui định tại Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND 4 triệu đồng/biên chế<sup>14</sup>, bố trí kinh phí hằng năm cho các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy để phục vụ công tác xã hội<sup>(15)</sup>. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: căn cứ phương án tự chủ, mức độ tự chủ tài chính từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập được cấp thẩm quyền phê duyệt, thực hiện hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị theo quy định của pháp luật có liên quan về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập<sup>16</sup>. Trong khi các Nghị định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực chưa được ban hành<sup>17</sup>, các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định hiện hành; theo đó Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán<sup>18</sup> chi sự nghiệp giáo dục từ nguồn ngân sách nhà nước theo cơ cấu quỹ lương (*bao gồm các khoản phụ cấp, các khoản có tính chất lương và học bổng học sinh dân tộc nội trú*) đảm bảo tỷ lệ chi khác chiếm 17%<sup>(19)</sup>; chi sự nghiệp đào tạo phân bổ theo định mức trên học sinh, có xem xét hỗ trợ bù cơ cấu quỹ lương, chi khác (sau khi cân đối thêm từ nguồn thu sự nghiệp) tương tự như chi sự nghiệp giáo dục để duy trì hoạt động thường xuyên đào tạo của các Trường<sup>(20)</sup>; chi sự nghiệp y tế phân bổ chi khám chữa bệnh theo giường bệnh<sup>(21)</sup> (*kết hợp cân đối nguồn bố trí qua cơ cấu tiền lương vào giá dịch vụ khám chữa bệnh*); chi bộ máy phòng bệnh phân bổ theo định mức biên chế<sup>(22)</sup> (tổng chi không thấp hơn 30% tổng chi sự nghiệp y tế<sup>(23)</sup>); chi sự nghiệp y tế khác (bao gồm cả tăng cường sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế) xác định nhu cầu kinh phí theo khối lượng công việc, dự toán kinh phí đơn vị lập, chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành. Đối với dự toán chi sự nghiệp (*văn hóa, thể thao, đảm bảo xã hội, phát thanh truyền hình, kinh*

<sup>14</sup> Trong đó: Dự toán năm 2019 bố trí tăng thêm 2 triệu đồng/biên chế, dự toán năm 2020 tiếp tục bố trí tăng thêm 2 triệu đồng/biên chế; Định mức phân bổ khối hành chính được tính theo định mức trong khung tổng biên chế theo nhóm đơn vị qui định tại điểm 1.2 Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND; hệ số bổ sung cho hoạt động kiểm tra, thanh tra được tính trên tổng số biên chế của cơ quan, đơn vị được cấp thẩm quyền giao.

<sup>(15)</sup> Định mức bình quân 100 triệu đồng/người/năm (theo Thông báo Kết luận số 1434-TB/TU ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

<sup>16</sup> Theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 và Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, ngày 14/6/2016 của Chính phủ. Trong năm 2021 sẽ xác định lại loại hình tự chủ cho giai đoạn 2021-2023 theo qui định, trong đó đối với đơn vị tự chủ một phần sẽ thẩm định, xác định lại phần NSNN cấp bù chi thường xuyên (sau khi cân đối nguồn thu SN, dịch vụ được để lại đơn vị) theo qui định.

<sup>17</sup> Quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ

<sup>18</sup> Giao dự toán tổng thể theo phân cấp quản lý Ngành, các Sở ngành (đơn vị dự toán cấp 1) chịu trách nhiệm phân bổ chi tiết cho các đơn vị trực thuộc theo đúng cơ chế tự chủ tài chính qui định hiện hành.

<sup>(19)</sup> Giảm 1% so với quy định của trung ương tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 để có nguồn bố trí thực hiện Đề án ngoại ngữ, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học...

<sup>(20)</sup> Trường Chính trị tỉnh, Trường Cao đẳng Cộng đồng. Định mức chi được xác định trên cơ sở nền dự toán chi năm 2016 (*tính theo tiền lương cơ sở đến 1,21 triệu đồng*), đối với phần tiền lương cơ sở tăng từ 1,21 triệu đến 1,49 triệu đồng bố trí theo cơ chế CCTL.

<sup>(21)</sup> Xác định trên cơ sở nền dự toán năm 2016: Bệnh viện tuyến tỉnh 56,7 triệu đồng/giường bệnh/năm; bệnh viện tuyến huyện 57,7 triệu đồng/giường bệnh/năm (*tính theo tiền lương cơ sở đến 1,21 triệu đồng, đã loại trừ tiền lương cơ cấu vào giá dịch vụ, trong năm sẽ rà soát, xác định lại theo số thu thực tế phát sinh*); đối với phần tiền lương cơ sở tăng từ 1,21 triệu đến 1,49 triệu đồng bố trí theo cơ chế CCTL.

<sup>(22)</sup> Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh

<sup>(23)</sup> Nghị quyết 20-NQ/TW của Trung ương, Nghị quyết số 18/2008/QH12 của Quốc hội, văn bản số 5561/BYT-KH-TC ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Bộ Y tế

tế<sup>24</sup> ...) phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh, nhiệm vụ chuyên môn theo chủ trương, kế hoạch, đề án được cấp thẩm quyền giao, khối lượng công việc, dự toán kinh phí đơn vị lập, chế độ, định mức quy định hiện hành.

Dự toán chi thường xuyên (*chưa bao gồm bổ sung tiền lương tăng thêm theo Nghị định 47/2017/NĐ-CP, Nghị định 72/2018/NĐ-CP và Nghị định 38/2019/NĐ-CP*) 1.564.913 triệu đồng, tăng 0,5% so dự toán 2020. Cụ thể theo các lĩnh vực sau:

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề 343.835 triệu đồng, tăng 3,4% dự toán 2020; trong đó có cơ cấu, bố trí nhiệm vụ trọng tâm: Đề án dạy ngoại ngữ; hệ thống số hóa hồ sơ văn bằng, chứng chỉ; bồi dưỡng giáo viên theo chương trình giáo dục phổ thông mới; tăng cường cơ sở vật chất, sửa chữa, bảo dưỡng trường lớp phục vụ dạy và học.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 14.846 triệu đồng, tăng 0,4% dự toán 2020 (*trừ nhiệm vụ chi ứng dụng khoa học công nghệ đã bổ sung về ngân sách huyện chi 1.500 triệu đồng*).

- Chi sự nghiệp môi trường 5.556 triệu đồng, tăng 0,3% so năm 2020.

- Các lĩnh vực chi thường xuyên khác 1.200.676 triệu đồng, bằng 99,7% so dự toán 2020, cụ thể:

- + Chi sự nghiệp kinh tế 193.311 triệu đồng, tăng 6,1% (*trong đó bố trí tăng kinh phí tiêm vắc xin phòng dịch lở mồm long móng huyện 30a và các huyện, thành phố thuộc Chương trình quốc gia hàng năm 5.387 triệu đồng<sup>25</sup>; Kinh phí Chương trình Quốc gia phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu phi giai đoạn 2021 - 2025 theo QĐ 972/QĐ-TTg 1.100 triệu đồng<sup>(26)</sup>; Kinh phí hoạt động của hệ thống Trung tâm điều hành thông minh 5.000 triệu đồng<sup>(27)</sup>; Nâng định mức sửa chữa thường xuyên tỉnh lộ 2.475 triệu đồng<sup>(28)</sup>; thuê hệ thống bảo đảm an toàn thông tin SOC 2.129 triệu đồng<sup>(29)</sup>; thuê trực kết nối chia sẻ dữ liệu LGSP 2.217 triệu đồng<sup>(30)</sup>...)*

<sup>24</sup> Trong đó: đã bao gồm cân đối bố trí 10% từ nguồn thu cho thuê đất để thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai, đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định tại tiết đ điểm 1 Chi thị 1474/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ

<sup>(25)</sup> Kinh phí mua vắc xin LMLM của huyện Kon Plong, Tu Mơ Rông bố trí từ Chương trình MTQG GN bền vững giai đoạn từ năm 2016-2020; năm 2021 Chương trình này đã kết thúc. Từ năm 2021 trở đi TƯ không bố trí kinh phí này, địa phương phải tự cân đối (*theo VB số 8212/BTC-NSNN ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính*)

<sup>(26)</sup> Theo Văn bản số 5319/BNN-TY ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp - PTNT và KH số 3819/KH-UBND ngày 9 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí NS tỉnh thực hiện giai đoạn 2020-2025

<sup>(27)</sup> Chủ trương Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 944/UBND-TTHCC ngày 26 tháng 3 năm 2020 (tạm bố trí 70% nhu cầu, triển khai khi có kế hoạch phê duyệt và các hồ sơ liên quan)

<sup>(28)</sup> Cân đối bố trí tăng thêm so năm 2020 (hiện nay định mức chi địa phương còn thấp so với trung ương, đường xuống cấp; bố trí theo khả năng ngân sách), trong đó đã bao gồm kinh phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường từ km 53+700 tỉnh lộ 676 đến cầu TàMeo (UBND tỉnh giao nhiệm vụ tăng thêm)

<sup>(29)</sup> Kế hoạch số 3636/KH-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai bảo đảm An toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của tỉnh Kon Tum theo mô hình "4 lớp"

<sup>(30)</sup> Văn bản số 139/TB-VPCP ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử với các ban chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử Bộ, ngành, địa phương ngày 12 tháng 02 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã giao các bộ, ngành, địa phương tập trung vào một số nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ "Đến hết năm 2020, 100% các Bộ, ngành, địa phương có nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, kết nối với nền tảng tích



+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình bố trí ổn định như dự toán năm 2020: 476.634 triệu đồng; trong đó kinh phí ngân sách giảm do cơ cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh dự kiến 78.000 triệu đồng<sup>31</sup> tập trung bố trí cho lĩnh vực y tế: hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, hỗ trợ quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi cho y tế dự phòng, tăng cường trang thiết bị, sửa chữa cơ sở vật chất y tế và chi cho một số nội dung cấp bách khác của ngành y tế;

+ Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin 41.028 triệu đồng, tăng 1% do tăng kinh phí tổ chức đăng cai ngày hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc Tây Nguyên 1.500 triệu đồng; hỗ trợ công chiêng và tổ chức truyền dạy công chiêng, xoang cho làng đồng bào dân tộc không có công chiêng trên địa bàn tỉnh 2.000 triệu đồng<sup>32</sup>;...

+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao 13.054 triệu đồng, tăng 31,7% dự toán năm 2020 do tăng Kinh phí tham gia Hội thi thể thao dân tộc thiểu số 1.487 triệu đồng; đăng cai tổ chức giải bóng đá vô địch U19: 265 triệu đồng; kinh phí thực hiện Đề án thể thao thành tích cao, trang thiết bị thể dục thể thao 1.121 triệu đồng...

+ Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 16.583 triệu đồng, tăng 8,3% so dự toán năm 2020, thực hiện hỗ trợ do nguồn thu sụt giảm để sản xuất 2 giờ/ngày chương trình truyền hình tiếng phổ thông để phát trên vệ tinh Vinasat 900 triệu đồng<sup>(33)</sup>; tăng thêm kinh phí chi trả nhuận bút đáp ứng bằng khoảng 30% trong khung mức chi tối đa quy định tại Nghị định 18/2014/NĐ-CP, ngày 14/3/2018 của Chính phủ Quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản 500 triệu đồng<sup>(34)</sup>;

+ Chi đảm bảo xã hội 37.708 triệu đồng, tăng 8,9% dự toán năm 2020 do tăng kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng, quản lý các đối tượng ma túy, tâm thần, bảo trợ XH...

+ Chi quản lý hành chính 317.462 triệu đồng, bằng 97% so năm 2020 do cơ cấu, điều chỉnh giảm kinh phí bố trí cho nhân viên theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP<sup>(35)</sup>; kinh phí các Đại hội hết nhiệm vụ chi...

---

hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia”. Kinh phí thực hiện theo VB 1587/THH-QLĐT ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Cục tin học hóa Bộ TTTT: "Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để xây dựng triển khai LGSP

<sup>(31)</sup> Tạm giao dự toán theo Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế và Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính; số thực hiện năm 2020 và sẽ rà soát, xác định lại theo kết quả thực hiện trong năm 2021.

<sup>(32)</sup> Chủ trương tại Văn bản số 3395/UBND-KGVX ngày 9 tháng 9 năm 2020 và Thông báo số 603-TB/VPTU ngày 03 tháng 9 năm 2020 về ý kiến của đồng chí Dương Văn Trang, UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

<sup>(33)</sup> Năm 2021 địa bàn tỉnh Kon Tum sẽ tắt sóng truyền hình tương tự Analog chuyển sang phát sóng số từ ngày 31 tháng 12 năm 2020. Như vậy, từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, Đài Truyền hình Việt Nam sẽ ngưng phát sóng các máy VTV1, VTV2, VTV3; theo đó nguồn thu sụt giảm khoản 1.800 triệu đồng; tương ứng nguồn thu để cân đối bổ sung để sản xuất 2 giờ phát sóng/ngày giảm 900 triệu đồng.

<sup>(34)</sup> Văn bản số 1318-TB/TU ngày 17 tháng 6 năm 2020 về thông báo kết luận họp Thường trực Tỉnh ủy về việc nâng cao chất lượng trong công tác phát thanh, truyền hình; ý kiến của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 267-CV/BCSD ngày 19 tháng 6 năm 2020; Công văn số 2235/UBND-KGVX, ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh về việc việc nâng cao chất lượng công tác phát thanh, truyền hình;

<sup>(35)</sup> Năm 2020 bố trí 10.000 triệu đồng, năm 2021 rà soát bố trí thấp hơn

+ Chi quốc phòng an ninh 65.501 triệu đồng (*đã bao gồm kinh phí quan hệ hợp tác biên giới của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 2.180 triệu đồng*<sup>36</sup>), tăng 14,3% tăng do hỗ trợ thêm định mức thực hiện nhiệm vụ phát quang hành lang tuyến, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đường tuần tra biên giới; tăng cường tuần tra bảo vệ, quan hệ hợp tác biên giới; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực quản lý bảo vệ biên giới...

+ Chi khác ngân sách 39.395 triệu đồng, giảm 35,1% so dự toán năm 2020, do cơ cấu giảm để bố trí tăng chi cho các lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, văn hóa, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình, đảm bảo xã hội như đã nêu trên; trong đó bố trí hoạt động đối ngoại với bạn Lào, Campuchia; quỹ khen thưởng; trích lại cho cơ quan thanh tra từ số thu hồi qua thanh tra, hỗ trợ nhiệm vụ thu lệ phí, xử phạt vi phạm hành chính; kinh phí hoạt động trụ sở hành chính mới<sup>(37)</sup>; hỗ trợ người nghèo ăn Tết; kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch khác đang chờ cấp thẩm quyền phê duyệt,...

c) Chi trả nợ lãi vay 2.000 triệu đồng.

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng.

đ) Dự phòng 66.785 triệu đồng, chiếm 2% so với tổng chi cân đối ngân sách cấp tỉnh 2021; trong đó: trích 2% bổ sung dự phòng từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất, thu viện trợ từ nguồn thu NSDP so với dự toán trung ương giao 16.908 triệu đồng<sup>38</sup>.

e) Chi từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán trung ương giao (phân bổ cho các dự án, nhiệm vụ theo tiến độ nguồn thu thực tế) 789.492 triệu đồng<sup>39</sup>.

g) Chi từ nguồn viện trợ thuộc nguồn thu NSDP (thực hiện theo hình thức ghi thu ghi chi) 39.000 triệu đồng

*(Số liệu chi ngân sách tỉnh theo lĩnh vực, chi tiết chi ngân sách tỉnh theo đơn vị dự toán tại biểu số 06,07,08/TT kèm theo)*

**II. Dự toán chi nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu 1.441.140 triệu đồng** bố trí theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ được Trung ương bổ sung. Trong đó:

1. Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 1.234.788 triệu đồng. Trong đó vốn ngoài nước 386.030 triệu đồng, vốn trong nước 848.758 triệu đồng.

<sup>36</sup> Trong đó: dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho quân đội nhân dân Lào và Quân đội Hoàng gia Campuchia 1.000 triệu đồng.

<sup>(37)</sup> Hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh đang chỉ đạo xây dựng phương án giao nhiệm vụ cho đơn vị quản lý, bảo vệ 2 khối nhà Q3, Q4 tại Khu Trung tâm hành chính mới của tỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt và bố trí kinh phí để đơn vị này hoạt động theo quy định.

<sup>(38)</sup> Để đảm bảo dự phòng ngân sách tỉnh bằng 2% so với tổng dự toán chi ngân sách tỉnh theo quy định Luật NSNN.

<sup>(39)</sup> Trong đó: bao gồm dự toán chi đền bù GPMB của các dự án đầu tư mà nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước từ nguồn thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất (thực hiện theo hình thức ghi thu ghi chi)

2. Chi bổ sung có mục tiêu (*kinh phí sự nghiệp, các chế độ, chính sách*) 206.352 triệu đồng. Trong đó vốn ngoài nước 18.680 triệu đồng, vốn trong nước 187.672 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết tại Biểu 09/TT, 09a/TT kèm theo)

## **PHẦN THỨ HAI**

### **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH THU, CHI NGÂN SÁCH 2021**

#### **I. Về thu ngân sách**

1. Tổ chức thực hiện tốt thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất để tạo nguồn thu. Tăng cường quản lý, khai thác, huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công. Các cấp chính quyền, đơn vị liên quan triển khai tốt các biện pháp nhằm tập trung số thu kịp thời, đầy đủ, tăng cường chống thất thu, thu nợ đọng thuế, hạn chế nợ đọng thuế phát sinh, tích cực khai thác các nguồn thu mới, chú trọng nuôi dưỡng nguồn thu.

2. Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thuế với Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính các cấp trong việc báo cáo định kỳ, thường xuyên theo dõi các nguồn thu trên địa bàn, phân tích tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp thu. Phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

#### **II. Về chi ngân sách**

1. Đẩy nhanh tiến độ triển khai Kế hoạch số 1195/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Chương trình số 28-CTr/TU ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ chi cho phù hợp với khả năng cân đối của NSNN; động viên thêm nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ sự nghiệp công, xây dựng dự toán chi ngân sách đảm bảo chi tiết đối với từng nhiệm vụ trên cơ sở định mức, chính sách, chế độ quy định, chủ động sắp xếp để cân đối cho nhiệm vụ mới phát sinh, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Nguồn vốn đầu tư phát triển tập trung, ưu tiên bố trí trả nợ xây dựng cơ bản và dự án có khả năng hoàn thành, đưa vào sử dụng, khai thác trong năm 2021; bố trí vốn hoàn trả ứng trước ngân sách. Triển khai các dự án đầu tư phải đảm bảo đúng kế hoạch vốn được giao, cân đối đủ nguồn vốn, không làm phát sinh nợ xây dựng cơ bản. Bố trí đủ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định để thực hiện các dự án đầu tư, chương trình mục tiêu quốc gia do địa phương quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán chi thường xuyên, trong đó giáo dục đào tạo dạy nghề và khoa học công nghệ không được thấp hơn mức dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Phân bổ các lĩnh vực chi thường xuyên khác cho đơn vị dự toán trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp tình hình thực tế và điều kiện khả năng ngân sách, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, đề án theo phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách. Đối với các đơn vị dự toán cấp I và đơn vị sử dụng ngân sách khối

tỉnh: Trên cơ sở định mức phân bổ chi thường xuyên và dự toán 2021 được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt; đơn vị dự toán cấp I phân bổ dự toán thu sự nghiệp, dự toán chi cho các đơn vị trực thuộc theo tiêu chuẩn, định mức quy định để làm căn cứ tổ chức thực hiện, bảo đảm khớp đúng tổng mức chi sự nghiệp theo lĩnh vực, phù hợp đặc điểm tình hình thực tế và nguồn thu của đơn vị trực thuộc. Xác định rõ từng nhiệm vụ sự nghiệp, định mức và dự toán kinh phí làm cơ sở giao tự chủ quy định hiện hành. Thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.

4. Các địa phương, đơn vị chủ động sắp xếp nhiệm vụ (*kể cả nhiệm vụ phát sinh*) trong phạm vi dự toán được giao trên tinh thần triệt để tiết kiệm, không phô trương hình thức, chống lãng phí, phù hợp với khả năng ngân sách được giao, kết hợp nguồn thu ngoài ngân sách, tăng cường huy động nguồn xã hội hoá. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chủ quản trong quá trình phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách tại các đơn vị trực thuộc.

5. Tổ chức sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm đầu mối, tinh gọn theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017; thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

6. Điều hành chi ngân sách nhà nước phải theo khả năng, tiến độ nguồn thu, giãn tiến độ các khoản chi chưa cấp thiết vào cuối năm. Ưu tiên thực hiện chi lương, các chính sách hỗ trợ đảm bảo an sinh xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công khai để đảm bảo chi đúng, đầy đủ cho các đối tượng thụ hưởng. Rà soát, quản lý chặt chẽ để giảm mạnh số chi chuyển nguồn, chỉ thực hiện chuyển nguồn đối với một số khoản chi còn nhiệm vụ và thực sự cần thiết theo đúng quy định của Luật NSNN. Thực hiện tốt đề án tinh giản biên chế, sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Khắc phục triệt để những sai phạm liên quan kết luận kiểm toán ngân sách nhà nước qua các năm.

*(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 137/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI - kỳ họp thứ 11 xem xét, phê chuẩn./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Tuấn**

